

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2021/DS-ST

Ngày: 01/12/2021

V/v: Tranh chấp hội họ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàn Đại

Bà Vương Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 61/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hội họ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2021/QĐXXST-DS ngày 18/11/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1942 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Ông Hoàng Đình S, sinh năm 1948 (Có mặt)

Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1952

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

(Bà V ủy quyền cho ông S tham gia tố tụng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/7/2021, lời khai và trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn trình bày:

Do mối quan hệ hàng xóm láng giềng nên bà Hoàng Thị X có tham gia góp họ do vợ chồng ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V tổ chức từ tháng 6/2018. Quá trình góp họ, bà X đã được ông S, bà V thanh toán số tiền là 66.000.000đ, nhưng sau đó do cần tiền làm ăn nên ông S, bà V đã vay lại của bà X số tiền này. Ngoài ra ông S, bà V còn nợ bà X số tiền góp họ là 68.700.000đ. Ngày 01/7/2019, ông S, bà V viết giấy nhận nợ tiền họ với bà số tiền 68.700.000đ, hẹn trả hết vào ngày vào ngày 01/5/2020. Cùng ngày, ông S, bà V cũng viết giấy khát nợ số tiền mặt đã vay bà X là 66.000.000đ, hẹn trả toàn bộ tiền vay nợ vào ngày 01/7/2020. Từ sau khi chốt nợ đến nay, ông S bà V đã không trả nợ cho bà X. Tại đơn khởi kiện bà X yêu cầu Tòa

án buộc ông S, bà V phải trả cho bà toàn bộ tiền nợ gốc là 134.700.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bà X thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu buộc ông S, bà V phải trả lãi trên số tiền nợ gốc.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Đình S trình bày:

Vợ chồng ông S, bà V còn nợ bà X tổng số tiền nợ gốc là 134.700.000đ (gồm tiền họ là 68.700.000đ và tiền vay là 66.000.000đ). Ngày 01/7/2019, hai bên chốt nợ, ông S, bà V viết giấy nhận nợ tiền họ với bà X số tiền 68.700.000đ, hẹn trả hết vào ngày 01/5/2020; đồng thời viết giấy khất nợ số tiền mặt đã vay bà X là 66.000.000đ, hẹn trả toàn bộ tiền vay nợ vào ngày 01/7/2020. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông S, bà V chưa trả được nợ cho bà X như đã hứa. Bà X khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả số tiền 134.700.000đ, ông S thống nhất và xin bà X cho vợ chồng ông được trả dần, khi nào có sẽ trả, có nhiều trả nhiều, có ít trả ít.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Hiện vợ chồng bà V còn nợ bà X tổng số tiền là 134.700.000đ. Bà V xin bà X cho vợ chồng bà được trả nợ dần, khi nào có tiền ông bà sẽ trả, có nhiều trả nhiều, có ít trả ít.

Tại phiên tòa các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà X làm đơn khởi kiện đòi nợ vợ chồng ông S, bà V tổng số tiền nợ là 134.700.000đ (gồm 68.700.000đ tiền bà X góp họ chưa được trả và 66.000.000đ ông S, bà V đã vay của bà X). Đây là quan hệ “Tranh chấp hội họ” và “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 **Điều 26** Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V có địa chỉ tại xã Hoằng Đạo, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về Nội dung tranh chấp:

Vợ chồng ông Hoàng Đình S, bà Nguyễn Thị V có tổ chức góp hội họ và bà Hoàng Thị X có tham gia góp họ. Quá trình góp họ, bà X đã được ông S, bà V thanh toán số tiền là 66.000.000đ, nhưng sau đó do cần tiền làm ăn nên ông S, bà V đã vay lại của bà X số tiền này. Ngoài ra ông S, bà V còn nợ bà X số tiền góp họ là 68.700.000đ. Ngày 01/7/2019, hai bên đã chốt nợ, ông S, bà V viết giấy nhận nợ tiền họ với bà X số tiền 68.700.000đ, hẹn trả hết vào ngày 01/5/2020 và viết giấy khất nợ

số tiền mặt đã vay của bà X là 66.000.000đ, hẹn trả toàn bộ vào ngày 01/7/2020. Sau khi nhận nợ, khát nợ, ông S, bà V đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Hiện ông S, bà V vẫn còn nợ bà X tổng số tiền nợ gốc là 134.700.000đ. Vì vậy, bà X khởi kiện đòi nợ ông S, bà V trả toàn bộ số tiền nợ trên là hoàn toàn có cơ sở nên cần chấp nhận. Tại đơn khởi kiện, bà X yêu cầu Tòa án buộc ông S, bà V phải trả toàn bộ nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật nhưng quá trình giải quyết vụ án bà X đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu buộc ông S, bà V phải trả lãi trên số tiền nợ gốc nên cần tôn trọng quyết định của bà X, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện bà X về việc yêu cầu Tòa án buộc ông S bà V phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc.

Ông S, bà V xin được trả nợ dần, có nhiều trả nhiều, có ít trả ít nhưng không được bà X chấp nhận. Hội đồng xét xử nhận định: Từ khi hai bên chốt nợ đến nay, ông S, bà V đã không trả được tiền nợ cho bà X, nay lại xin được trả nợ dần nhưng không hề có phương án, thời gian, kế hoạch trả nợ cụ thể nên bà X không chấp nhận việc vợ chồng ông S, bà V xin được trả nợ dần là hoàn toàn có cơ sở. Vì vậy, cần buộc ông S, bà V phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà X toàn bộ tiền nợ gốc còn nợ bà X là 134.700.000đ.

[3] Về án phí: Ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông S, bà V.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 235, 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, buru, phường; Khoản 3 Điều 15, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hui, họ, buru, phường; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V phải liên đới trả cho bà Hoàng Thị X toàn bộ số tiền nợ gốc là 134.700.000đ (*Một trăm ba tư triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng ông S và bà V còn phải liên đới chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS năm 2015 trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ yêu cầu buộc ông S bà V phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc của bà bà Hoàng Thị X.

Về án phí: Bị đơn – ông Hoàng Đình S và bà Nguyễn Thị V được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Vân

